BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4768/QĐ-ĐHĐN

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 12 năm 2020

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
ĐẾN Số: 25
Ngày: 11/01/2021
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định công tác thi đua, khen thưởng tại Đại học Đà Nẵng

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 32/NĐ-CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 21/2020/TT-BGDĐT ngày 31/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 2762/QĐ-HĐĐH ngày 14/8/2020 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Tổ chức Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định công tác thi đua, khen thưởng tại Đại học Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 4501/QĐ-ĐHĐN ngày 25/12/2018 của Giám đốc ĐHĐN.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các ban chức năng của Đại học Đà Nẵng, Hiệu trưởng các trường đại học thành viên, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để b/cáo);
- Ban Giám đốc ĐHĐN;
- Lưu: VT, TCCB.

Kg: + Ban Giám hiệu;
+ Các đơn vị;
+ Lưu VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PGS.TS. Lê Thành Bắc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về công tác thi đua, khen thưởng tại Đại học Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4768/QĐ-ĐHĐN ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Văn bản này quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN) thuộc thẩm quyền Giám đốc ĐHĐN, bao gồm: Nguyên tắc xét thi đua, khen thưởng; tiêu chuẩn danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thẩm quyền quyết định và đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; hội đồng thi đua, khen thưởng; quy trình bình xét, hồ sơ đề nghị, quỹ khen thưởng, trách nhiệm và nguyên tắc chi khen thưởng.

2. Những nội dung về công tác thi đua, khen thưởng không quy định tại văn bản này được thực hiện theo Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng thi đua:

a) Các trường đại học thành viên; các đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN.

b) Các khoa, phòng, trung tâm, viện và tương đương của các trường đại học thành viên, của các đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN.

c) Viên chức và người lao động (đã được tuyển dụng hoặc đã được ký hợp đồng lao động từ 10 tháng trở lên).

d) Người học trong các đơn vị quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều này.

2. Đối tượng khen thưởng:

a) Đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này.

b) Tập thể, cá nhân người nước ngoài đang công tác, học tập tại ĐHĐN; công dân Việt Nam học tập ở nước ngoài, cán bộ làm công tác quản lý giáo dục ở nước ngoài có đóng góp vào sự nghiệp đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, xây dựng và phát triển ĐHĐN.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp công tác, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật được cấp cơ sở công nhận.

2. Đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua là đề tài khoa học đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền nghiệm thu mức đạt trở lên. Đối tượng được công nhận có đề tài nghiên cứu khoa học để làm cơ sở xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng là Chủ nhiệm đề tài và người trực

tiếp tham gia nghiên cứu đề tài (theo danh sách có tên trong quyết định giao đề tài nghiên khoa học).

3. Tập thể nhỏ là tập thể có quy mô nhỏ ở cơ sở, bao gồm một số cá nhân cùng thực hiện một nhiệm vụ cụ thể là: Các khoa, phòng, trung tâm, viện và các tổ chức tương đương khác của các trường đại học thành viên, đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN.

Các tập thể nhỏ là tổ chức năng, tổ chuyên môn, nghiệp vụ của các trường đại học thành viên hoặc của các đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN chỉ được xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng từ cấp ĐHĐN trở xuống.

4. "Cán bộ quản lý" trong bình xét thi đua, khen thưởng gồm:

a) Giảng viên được bổ nhiệm chức vụ quản lý hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, công tác đảng, đoàn thể tại trường đại học thành viên hoặc các đơn vị đào tạo thuộc, trực thuộc ĐHĐN nghĩa vụ giảng dạy dưới 50% định mức giờ chuẩn giảng dạy theo như quy định tại Điều 4 Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Cá nhân không thuộc ngạch giảng viên giữ chức vụ, làm công tác quản lý có hưởng hệ số phụ cấp chức vụ được dùng để tính đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

5. Đề tài trễ hạn là đề tài chưa nghiệm thu trong thời gian thực hiện đề tài. Các đề tài có nghiệm thu 2 cấp (cơ sở và chính thức) bị xem là trễ hạn khi chưa nghiệm thu cấp cơ sở trong thời gian thực hiện đề tài. Thời gian thực hiện đề tài là thời gian được quy định trong quyết định giao đề tài (thời gian cho phép gia hạn của cơ quan có thẩm quyền được tính là thời gian thực hiện đề tài).

Điều 4. Nguyên tắc xét thi đua, khen thưởng

1. Không áp đặt chỉ tiêu thi đua, bảo đảm nguyên tắc tự nguyện tham gia thi đua của tập thể, cá nhân theo quy định.

2. Việc xét thi đua, khen thưởng phải căn cứ vào tiêu chuẩn, thành tích đạt được gắn với minh chứng, sản phẩm cụ thể, thiết thực của tập thể, cá nhân.

3. Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động được sử dụng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, làm căn cứ để xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; số lượng viên chức và người lao động được công nhận danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" và đề nghị các hình thức khen thưởng cấp Bộ bảo đảm không quá 1/3 là cán bộ quản lý. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" của đơn vị.

4. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng phải phù hợp với hình thức, mức hạng khen thưởng theo quy định. Trong báo cáo phải ghi cụ thể số quyết định, ngày, tháng, năm được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng của cấp có thẩm quyền; số quyết định, ngày, tháng, năm được công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.

Tập thể, cá nhân không có báo cáo thành tích, đề tài, sáng kiến hoặc có nhưng chưa được nghiệm thu công nhận đề tài, sáng kiến hoặc đánh giá không có hiệu quả thì không được dùng làm căn cứ để xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng.

5. Đối với danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ thi đua cơ sở", "Tập thể lao động tiên tiến", "Tập thể lao động xuất sắc", "Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo", Cờ thi đua của Chính phủ, Giấy khen của Giám đốc ĐHĐN, Bằng khen Bộ trưởng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các hạng: Tập thể, cá nhân đề nghị xét khen thưởng phải có tỷ lệ phiếu đồng ý từ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (theo danh sách có tên trong quyết định, nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản, trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (TĐ-KT) xem xét, quyết định).

6. Đối với danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương", "Chiến sĩ thi đua toàn quốc", danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, Anh hùng Lao động: Tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng phải có tỷ lệ phiếu đồng ý từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (theo danh sách có tên trong quyết định, nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản, trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Hội đồng TĐ-KT xem xét, quyết định).

7. Các cuộc họp xét danh hiệu thi đua, khen thưởng được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 tổng số viên chức và người lao động của đơn vị hoặc thành viên của Hội đồng thi đua, khen thưởng (theo Quyết định thành lập Hội đồng) tham dự.

8. Đối với cá nhân chuyển công tác: Cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm bình xét, tặng danh hiệu thi đua (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ). Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình, xét tặng danh hiệu thi đua do cơ quan, tổ chức, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận người được điều động, biệt phái).

9. Yêu cầu xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng:

a) Tự nguyện, tự giác, công khai, công bằng.

b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

c) Xét tặng danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua, thành tích thi đua, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.

d) Hình thức khen thưởng phải phù hợp với đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao và thành tích đạt được của tập thể, cá nhân.

đ) Khen thưởng phải chính xác, kịp thời, công bằng. Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ, cá nhân là người trực tiếp giảng dạy, NCKH, lao động, sản xuất, học tập, công tác.

10. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng:

a) Đối với khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ, khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ cao hơn để xét khen thưởng. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung. Trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được thực hiện theo quy định chung.

b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được.

c) Trong 01 năm học không đề nghị cấp trên xét, tặng 02 hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho một tập thể hoặc một cá nhân (trừ thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất, khen thưởng quá trình cống hiến, khen thưởng theo niên hạn).

d) Thời gian đề nghị khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian thì việc đề nghị khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

đ) Chỉ lấy kết quả khen thưởng theo công trạng và thành tích làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Kết quả khen thưởng theo đợt (chuyên đề) được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

11. Không xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trong các trường hợp sau:

a) Cá nhân đã bị kỷ luật (đảng, chính quyền, tổ chức xã hội khác) từ hình thức khiển trách trở lên (tính trong giai đoạn xét thành tích).

b) Cá nhân đã được cấp có thẩm quyền đánh giá mức không hoàn thành nhiệm vụ.

c) Cá nhân được cử đi học nhưng không hoàn thành nhiệm vụ học tập hoặc vi phạm quy định đào tạo bồi dưỡng đã bị xử lý kỷ luật.

d) Cá nhân bị thanh lý đề tài nghiên cứu khoa học (chỉ áp dụng đối với chủ nhiệm đề tài).

12. Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng đối với tập thể, cá nhân trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo mà cơ quan thụ lý xác định cần phải xác minh làm rõ.

13. Việc đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với tập thể để xét thi đua, khen thưởng được Giám đốc ĐHĐN quy định cụ thể theo từng năm học.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định và đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Thẩm quyền của Giám đốc ĐHĐN:

a) Trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xét, trình cấp có thẩm quyền xét, khen thưởng cấp nhà nước theo quy định cho các tập thể, cá nhân trong toàn ĐHĐN.

b) Trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xét, quyết định tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", "Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo", "Chiến sĩ thi đua cấp Bộ", Bằng khen của Bộ trưởng, Kỷ niệm chương theo quy định cho các tập thể, cá nhân trong toàn ĐHĐN.

b) Quyết định công nhận danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ thi đua cơ sở" cho cá nhân của các đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN.

c) Quyết định công nhận danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" cho các trường đại học thành viên, các đơn vị thuộc và trực thuộc ĐHĐN (kể cả các đơn vị cấu thành của các đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN).

d) Quyết định tặng Giấy khen của Giám đốc ĐHĐN cho các tập thể, cá nhân trong toàn ĐHĐN.

2. Thẩm quyền của Hiệu trưởng các trường đại học thành viên:

a) Trình Giám đốc ĐHĐN xét, trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo để xét, trình cấp có thẩm quyền xét, khen thưởng cấp nhà nước theo quy định cho các tập thể, cá nhân của trường.

b) Trình Giám đốc ĐHĐN xét, trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xét, quyết định tặng "Tập thể lao động xuất sắc", "Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo", "Chiến sĩ thi đua cấp Bộ", Bằng khen của Bộ trưởng, Kỷ niệm chương theo quy định cho các tập thể, cá nhân của trường.

c) Quyết định công nhận danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" cho các đơn vị cấu thành của trường.

d) Quyết định tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ thi đua cơ sở" cho cá nhân của trường.

đ) Quyết định tặng Giấy khen của Hiệu trưởng cho các tập thể, cá nhân của trường.

Chương II

CÁC DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN

Điều 6. Danh hiệu "Lao động tiên tiến"

Danh hiệu "Lao động tiên tiến" được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Luật Thi đua Khen thưởng; Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

1. Danh hiệu "Lao động tiên tiến" được xét tặng hàng năm cho viên chức, người lao động đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất, chất lượng cao.

b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị; có tinh thần tự lực, tự cường, khắc phục khó khăn; đoàn kết, tương trợ; tích cực tham gia các phong trào thi đua.

c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ.

d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

đ) Các tiêu chuẩn khác (nếu có) theo quy định của ĐHĐN hoặc của các trường đại học thành viên.

2. Đối với giảng viên, nghiên cứu viên: Ngoài các tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1 Điều này, giảng viên phải có tài khoản Google Scholar (tài khoản đuôi udn.vn) và có cập nhật thường xuyên các công trình khoa học của cá nhân.

3. Đối với giảng viên, nghiên cứu viên có học vị Tiến sĩ không phải là cán bộ quản lý: Ngoài các tiêu chuẩn như giảng viên, cá nhân phải có ít nhất một bài báo hoặc báo cáo khoa học đăng trên kỷ yếu Hội thảo khoa học có chỉ số ISBN hoặc công trình khoa học khác như đề tài nghiên cứu, sách, giáo trình.

4. Quy định về thời gian được tính để xét công nhận danh hiệu "Lao động tiên tiến":

a) Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên thì trong thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét.

b) Thời gian nghỉ thai sản theo quy định.

c) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu thi đua. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên (trong nước hoặc nước ngoài), chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, của ĐHĐN, có kết quả học tập từ loại khá trở lên (*kết quả học tập của viên chức đi học nước ngoài phải có xác nhận của người hướng dẫn hoặc cơ sở đào tạo hoặc đại diện cơ quan Việt Nam tại nước sở tại*) thì được tính để xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến".

Điều 7. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"

Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, được xét tặng hàng năm cho cá nhân.

1. Đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt tiêu chuẩn danh hiệu "Lao động tiên tiến".

b) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đơn vị công nhận.

c) Có sáng kiến cấp cơ sở được công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học (áp dụng đối với chủ nhiệm hoặc thành viên có tên trong quyết định giao đề tài) đã nghiệm thu, xếp loại đạt trở lên và được áp dụng tại cơ quan, đơn vị.

d) Ngoài tiêu chuẩn quy định tại Điểm c, Khoản 1 Điều này, Hiệu trưởng các trường đại học thành viên có thể xây dựng các tiêu chuẩn bổ sung để xét công nhận danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" cho từng đối tượng sau: (1) giảng viên, nghiên cứu viên; (2) viên chức (không phải là giảng viên) và người lao động; (3) cán bộ quản lý là giảng viên; (4) cán bộ quản lý không phải là giảng viên. Đối với các đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN do Giám đốc ĐHĐN quy định.

2. Các thành tích là sáng kiến, kết quả nghiên cứu khoa học dùng để xét danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" chỉ được tính đối với các thành tích được hoàn thành, công nhận trong khoảng thời gian từ 1/7 của năm trước đến 30/6 của năm sau (căn cứ theo minh chứng).

Điều 8. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến"

Tiêu chuẩn danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" được thực hiện theo quy định tại Điều 28 Luật Thi đua khen thưởng ngày 26/11/2003, được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn như sau:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao.

2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả.

3. Có trên 50% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên (bao gồm kỷ luật đảng, chính quyền, đoàn thể).

4. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị và của ĐHĐN.

Điều 9. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc"

Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật Thi đua khen thưởng ngày 26/11/2003, được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn như sau:

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước và của ĐHĐN.

2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả.

3. Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến".

4. Có cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

5. Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy chế của cơ quan.

Điều 10. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp Bộ"

Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp Bộ" được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật Thi đua khen thưởng ngày 26/11/2003; Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ và Điều 6 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, được xét tặng cho cá nhân theo quy định như sau:

1. Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có ba lần liên tục đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở".

2. Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm cơ sở xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, công nhận. Đề tài nghiên cứu khoa học để được công nhận Chiến sĩ thi đua cấp Bộ là đề tài cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương (đối với đề tài nghiên cứu khoa học cấp ĐHĐN thì phải có ký hiệu B).

Điều 11. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc"

Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Luật Thi đua khen thưởng ngày 26/11/2003 và Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, được xét tặng cho cá nhân theo quy định như sau:

1. Có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp Bộ".

2. Sáng kiến hoặc đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" phải được áp dụng trong thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng cấp toàn quốc của các sáng kiến, đề tài NCKH.

Điều 12. Danh hiệu Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Danh hiệu "Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo" được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 21/2020/TT-BGDĐT ngày 31/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được xét tặng hằng năm khi kết thúc năm học cho tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất và được bình xét dẫn đầu khối thi đua.

1. ĐHĐN phân chia khối thi đua để xét, tặng Cờ thi đua của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho các tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất, dẫn đầu các khối thi đua tại ĐHĐN cụ thể như sau:

a) Khối thi đua các trường đại học thành viên: 01 Cờ.

b) Phân chia khối thi đua của các đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN như sau:

- Văn phòng, các ban chức năng, trung tâm: 01 Cờ;

- Phân hiệu, Viện, Khoa thuộc ĐHĐN: 01 Cờ.

c) Phân chia khối thi đua đối với các tập thể nhỏ của các trường đại học thành viên gồm: Phòng, Khoa, Viện, Trung tâm và tương đương như sau:

- Đối với trường đại học thành viên có từ 20 tập thể nhỏ trở lên: 02 Cờ;

- Đối với trường đại học thành viên dưới 20 tập thể nhỏ: 01 Cờ.

2. Tùy vào tình hình thực tiễn tại ĐHĐN, Giám đốc ĐHĐN quyết định điều chỉnh, bổ sung khối thi đua theo quy định.

Điều 13. Danh hiệu Cờ thi đua của Chính phủ

Danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ" được thực hiện theo quy định Điều 11 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, được xét tặng cho các tập thể sau:

1. Là tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu trong số các tập thể đạt tiêu chuẩn Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương. Số lượng tập thể được xét, đề nghị tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

2. Tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động được đánh giá, bình xét, suy tôn khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên.

Chương III

CÁC HÌNH KHEN THƯỞNG VÀ TIÊU CHUẨN

Điều 14. Giấy khen của Giám đốc ĐHĐN

1. Giấy khen của Giám đốc ĐHĐN được xét tặng cho các cá nhân có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Là cá nhân tiêu biểu trong số cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (sử dụng kết quả đánh giá xếp loại chất lượng viên chức của cấp có thẩm quyền) có tác dụng nêu gương, lôi cuốn trong phong trào thi đua tại ĐHĐN.

b) Lập thành tích xuất sắc đột xuất nhưng chưa đến mức tặng Bằng khen.

c) Cá nhân lập được một trong các thành tích sau:

- Trực tiếp bồi dưỡng được từ 01 sinh viên đạt giải nhất, nhì, ba hoặc Huy chương Vàng, Bạc, Đồng trong các kỳ thi sinh viên giỏi hoặc nghiên cứu khoa học cấp ĐHĐN trở lên;

- Người học đạt kết quả cao trong các kỳ tuyển sinh; tốt nghiệp xuất sắc tại các trường đại học thành viên, các đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN.

d) Các trường hợp đặc biệt khác, do thường trực Hội đồng TĐ-KT ĐHĐN xem xét, quyết định.

2. Giấy khen của Giám đốc ĐHĐN được xét tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của ĐHĐN, nội bộ đoàn kết, thống nhất, không có cá nhân bị xếp loại "Không hoàn thành nhiệm vụ" hoặc bị kỷ luật, không để xảy ra khiếu nại, tố cáo và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Là tập thể tiêu biểu được lựa chọn trong số các tập thể được đánh giá đạt mức "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ", có tác dụng nêu gương cho các tập thể khác trong ĐHĐN.

b) Có thành tích xuất sắc đột xuất trong thực hiện nhiệm vụ góp phần nâng cao uy tín, vị thế của ĐHĐN.

c) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong quá trình xây dựng và phát triển đơn vị, nhân dịp kỷ niệm thành lập vào năm tròn.

3. Số lượng cá nhân được đề nghị tặng Giấy khen của Giám đốc ĐHĐN không vượt quá 5% tổng số cán bộ, viên chức của trường đại học thành viên, Khối Cơ quan ĐHĐN và Phân hiệu, nếu có số dư thì được làm tròn lên. Số lượng tập thể được tặng Giấy khen không vượt quá 20% tổng số tập thể nhỏ thuộc đơn vị.

4. Đối với khen thưởng dịp kỷ niệm ngày thành lập đơn vị:

a) Cá nhân có thời gian công tác từ 5 năm trở lên, có thành tích xuất sắc đóng góp cho quá trình xây dựng, phát triển của đơn vị được Giám đốc ĐHĐN tặng Giấy khen. Số lượng cá nhân đề nghị không quá 10 cá nhân/01 trường và không quá 05 cá nhân/01 đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN.

b) Số lượng tập thể đề nghị Giám đốc ĐHĐN tặng Giấy khen không quá 05 tập thể/01 trường và không quá 03 tập thể/01 đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN.

5. Các trường hợp đặc biệt, khen theo chuyên đề hoặc đột xuất được Giám đốc ĐHĐN xem xét, quyết định.

Điều 15. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 21/2020/TT-BGDĐT ngày 30/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cụ thể như sau:

1. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng cho cá nhân có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu, xuất sắc, được bình xét trong thực hiện phong trào thi đua do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động.

b) Có 02 năm liên tục được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến cấp cơ sở được công nhận hoặc trong 05 năm trước khi

nghỉ theo chế độ bảo hiểm xã hội hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, chưa được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen.

c) Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc có nghĩa cử cao đẹp, hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, địch họa, dịch bệnh, đấu tranh với những hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, có tác dụng nêu gương và được đơn vị, địa phương ghi nhận, tôn vinh.

d) Có thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện, khởi nghiệp; có sáng kiến, giải pháp trong nghiên cứu khoa học; vượt khó, vươn lên học giỏi; tham gia có hiệu quả các hoạt động tình nguyện, thiện nguyện vì cộng đồng được cơ quan quản lý trực tiếp xác nhận.

đ) Có nhiều đóng góp, hỗ trợ thiết thực, hiệu quả cho ngành Giáo dục, được cơ quan quản lý trực tiếp và đơn vị thụ hưởng xác nhận.

e) Có thời gian công tác từ 05 năm trở lên; có thành tích xuất sắc, đóng góp cho sự phát triển của đơn vị được ghi nhận nhân dịp kỷ niệm thành lập vào năm tròn.

2. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo được xét tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu, xuất sắc được bình xét trong thực hiện phong trào thi đua do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động.

b) Có 02 năm liên tục được cấp có thẩm quyền công nhận danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc".

c) Có thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc có thành tích xuất sắc trong việc cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, địch họa, dịch bệnh ở đơn vị, địa phương.

d) Có nhiều đóng góp, hỗ trợ thiết thực, hiệu quả cho ngành Giáo dục, được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và đơn vị thụ hưởng xác nhận.

đ) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển đơn vị, nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập vào năm tròn.

Điều 16. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ được thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 17. Huân chương Lao động các hạng

Huân chương lao động các hạng được thực hiện theo quy định tại các Điều 22, Điều 23, Điều 24 Nghị định 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 18. Huân chương độc lập các hạng

Huân chương độc lập các hạng được thực hiện theo quy định tại các Điều 16, Điều 17, Điều 18 Nghị định 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 19. Danh hiệu "Nhà giáo nhân dân", "Nhà giáo ưu tú"

1. Danh hiệu "Nhà giáo Nhân dân", "Nhà giáo Ưu tú" được thực hiện theo Nghị định số 27/2015/NĐ-CP ngày 10/3/2015 của Chính phủ Quy định về xét tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo Ưu tú.

2. Danh hiệu "Nhà giáo nhân dân", "Nhà giáo ưu tú" được xét và công bố 3 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20 tháng 11.

Điều 20. Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp giáo dục"

Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp giáo dục" được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 21/2020/TT-BGDĐT ngày 31/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn công tác thi đua khen thưởng ngành Giáo dục.

Điều 21. Khen thưởng quá trình cống hiến và quy định chức danh tương đương để xét khen thưởng

Khen thưởng quá trình cống hiến được thực hiện theo quy định tại Điều 41, Điều 42 Nghị định 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương IV

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG VÀ THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 22. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp ĐHĐN

Hội đồng TĐ-KT cấp ĐHĐN được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 21/2020/TT-BGDĐT ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cụ thể như sau:

1. Hội đồng TĐ-KT cấp ĐHĐN do Giám đốc ĐHĐN quyết định thành lập.

2. Thành phần Hội đồng TĐ-KT cấp ĐHĐN:

a) Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc ĐHĐN.

b) Hội đồng có 02 Phó Chủ tịch, bao gồm Phó Giám đốc ĐHĐN phụ trách công tác thi đua, khen thưởng và Chủ tịch Công đoàn ĐHĐN.

c) Các ủy viên bao gồm: Đại diện Đảng ủy ĐHĐN, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ĐHĐN, Thủ trưởng các bộ phận chuyên môn liên quan và 01 Ủy viên Thường trực kiêm Thư ký Hội đồng là Trưởng bộ phận thi đua, khen thưởng hoặc người được giao phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của ĐHĐN.

3. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng TĐ-KT cấp ĐHĐN:

a) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. và biểu quyết theo tỷ lệ quy định. Trường hợp ý kiến các thành viên Hội đồng ngang nhau thì ý kiến quyết định là của Chủ tịch Hội đồng.

b) Các cuộc họp của Hội đồng được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng tham dự. Trường hợp vắng mặt, thành viên Hội đồng phải được Chủ tịch Hội đồng đồng ý và gửi lại phiếu bầu.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng TĐ-KT cấp ĐHĐN:

a) Tham mưu cho Giám đốc ĐHĐN triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của ĐHĐN về công tác thi đua, khen thưởng; triển khai, phát động phong trào thi đua theo thẩm quyền.

b) Tham mưu xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua và khen thưởng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của ĐHĐN; định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng của ĐHĐN; tham mưu sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn, báo cáo cấp có thẩm quyền.

c) Tham mưu cho Giám đốc ĐHĐN quyết định tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

5. Thường trực Hội đồng TĐ-KT cấp ĐHĐN:

a) Thường trực Hội đồng gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội đồng và Ủy viên Thường trực Hội đồng.

b) Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực Hội đồng:

- Chuẩn bị chương trình, xây dựng kế hoạch, dự thảo báo cáo sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng của Hội đồng; tổng hợp kết quả bình xét thi đua đề nghị tặng danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng cho các đơn vị;

- Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, tổng hợp danh sách và có ý kiến nhận xét, đánh giá về thành tích, thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng của các tập thể và cá nhân trước khi trình Hội đồng TĐ-KT cấp ĐHĐN;

- Thẩm định hồ sơ và làm thủ tục trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp vì sự nghiệp giáo dục" cho các cá nhân trong và ngoài Ngành có đủ điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định;

- Thẩm định hồ sơ, trình Giám đốc ĐHĐN xét tặng Giấy khen của Giám đốc ĐHĐN cho tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất;

- Thực hiện công tác tổ chức các phiên họp Hội đồng; báo cáo tóm tắt nội dung cuộc họp Hội đồng; báo cáo về điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng, thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng; quan điểm, ý kiến đề nghị của đơn vị giúp việc Hội đồng để Hội đồng thảo luận, xem xét;

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua, khen thưởng theo đúng quy định.

Điều 23. Hội đồng TĐ-KT cơ sở

1. Hội đồng TĐ-KT cơ sở do Thủ trưởng đơn vị quyết định thành lập.

2. Thành phần Hội đồng TĐ-KT cơ sở:

a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng đơn vị.

b) Hội đồng có 02 Phó Chủ tịch, bao gồm Phó Thủ trưởng đơn vị, phụ trách công tác thi đua, khen thưởng và Chủ tịch Công đoàn đơn vị.

c) Các ủy viên bao gồm: Đại diện cấp ủy Đảng, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các bộ phận chuyên môn liên quan và 01 Ủy viên Thường trực kiêm Thư ký Hội đồng là Trưởng bộ phận thi đua, khen thưởng hoặc người được giao phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị.

3. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng: Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 22 Quy định này.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng TĐ-KT cơ sở:

a) Tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của ĐHĐN về công tác thi đua, khen thưởng; triển khai, phát động phong trào thi đua theo thẩm quyền.

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng của đơn vị; tham mưu sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn, báo cáo cấp có thẩm quyền.

c) Tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị trình Hội đồng TĐ-KT cấp ĐHĐN xem xét, quyết định tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Chương V

QUY TRÌNH BÌNH XÉT, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ, QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG, TRÁCH NHIỆM VÀ NGUYÊN TẮC CHI KHEN THƯỞNG

Điều 24. Quy trình bình xét, lựa chọn, suy tôn

1. Đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hàng năm:

a) Thời gian tổ chức xét: Trước tháng 7 hàng năm, các đơn vị tiến hành bình xét, bỏ phiếu bình chọn, công nhận hoặc đề nghị công nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền được phân cấp.

b) Quy trình xét duyệt:

Bước 1. Cá nhân và tập thể viết báo cáo thành tích; tự đối chiếu với tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, tự nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; trình bày báo cáo này trước đơn vị trực tiếp quản lý.

Bước 2. Các tập thể nhỏ căn cứ vào báo cáo thành tích kèm theo minh chứng của cá nhân trong đơn vị cung cấp, đối chiếu với tiêu chuẩn để bình xét, thảo luận, bỏ phiếu bình chọn các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho từng cá nhân thuộc quyền quản lý và lập danh sách kèm theo biên bản đề nghị Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp cơ sở xem xét, công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

Bước 3. Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp cơ sở căn cứ vào biên bản họp và hồ sơ đề nghị của tập thể nhỏ, đối chiếu với tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng để tiến hành thẩm định, thảo luận thành tích của các tập thể, cá nhân được đề nghị xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, bỏ phiếu bình chọn các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng. Đồng thời lập hồ sơ đề nghị Hội đồng TĐ-KT cấp ĐHĐN xét tặng, đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các trường hợp không thuộc thẩm quyền quyết định của cấp cơ sở.

Trên cơ sở đề nghị của Hội đồng TĐ-KT cấp cơ sở, Thủ trưởng đơn vị ra quyết định công nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân theo phân cấp và lập hồ sơ đề nghị Hội đồng TĐ-KT cấp ĐHĐN xét duyệt các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng không thuộc thẩm quyền.

Bước 4. Căn cứ vào hồ sơ đề nghị của Hội đồng TĐ-KT cấp cơ sở và thành tích của các tập thể, cá nhân, Thường trực Hội đồng TĐ-KT cấp ĐHĐN đối chiếu

thành tích của các tập thể, cá nhân với tiêu chuẩn thi đua, khen thưởng để thẩm định hồ sơ; Hội đồng TĐ-KT cấp ĐHĐN xem xét, thảo luận, đánh giá và bỏ phiếu xét duyệt hoặc đề nghị cấp trên xét duyệt danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các trường hợp đủ tiêu chuẩn. Đồng thời lập hồ sơ trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xét tặng và đề nghị tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn cho các trường hợp đủ tiêu chuẩn.

Căn cứ kết quả họp của Hội đồng thi đua, khen thưởng hoặc Thường trực Hội đồng TĐ-KT cấp ĐHĐN, Giám đốc ĐHĐN ra quyết định công nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền và lập hồ sơ trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xét, công nhận hoặc đề nghị công nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng không thuộc thẩm quyền.

Lưu ý: Trường hợp khen thưởng thành tích đột xuất, đặc biệt xuất sắc thì không phải thực hiện quy trình này.

2. Đối với việc bình xét thi đua khối:

a) Thời gian đánh giá, tổ chức bình chọn: Việc bình xét thi đua khối được thực hiện trước 15/6 hàng năm.

b) Quy trình đánh giá, bình chọn:

Bước 1. Căn cứ vào tiêu chuẩn và thang điểm thi đua khối, các trường đại học thành viên, phân hiệu trong khối thi đua tập hợp tài liệu, minh chứng khi kết thúc năm học để phục vụ công tác tự đánh giá.

Bước 2. Các đơn vị tổ chức tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chuẩn thi đua khối; tổng hợp kết quả tự đánh giá, lập báo cáo gửi ĐHĐN.

Bước 3. ĐHĐN tổ chức thẩm định hồ sơ, chấm điểm và lập báo cáo trình Hội đồng TĐ-KT cấp ĐHĐN xem xét, bỏ phiếu bình chọn danh hiệu thi đua khối, công bố kết quả suy tôn và đề nghị Giám đốc ĐHĐN ra quyết định công nhận danh hiệu thi đua khối hoặc đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận, khen thưởng theo thẩm quyền.

Điều 25. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, thời điểm nộp hồ sơ xét tặng

1. Hồ sơ xét tặng gồm:

a) Tờ trình đề nghị các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của đơn vị; danh sách đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng xếp theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống.

b) Trích biên bản họp Hội đồng thi đua, khen thưởng (Mẫu kèm theo).

c) Trích ngang thành tích của tập thể, cá nhân (Mẫu kèm theo) và minh chứng kèm theo.

d) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể được đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo các mẫu (từ số 01 đến số 09) Phụ lục kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

đ) Quyết định công nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo phân cấp.

2. Số lượng hồ sơ nộp về ĐHĐN:

a) Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước: 05 bộ.

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Bộ: 02 bộ.

c) Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp ĐHĐN: 01 bộ.

3. Thời hạn nộp hồ sơ về Hội đồng TĐ-KT cấp ĐHĐN:

a) Hồ sơ đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng các cấp: Trước ngày 20/7 hàng năm.

b) Hồ sơ hoàn thiện để đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thường xuyên cấp Nhà nước: Trước ngày 15/9 hàng năm.

c) Hồ sơ khen thưởng đột xuất: Ngay sau khi tập thể, cá nhân lập được thành tích, người đứng đầu đơn vị có trách nhiệm gửi hồ sơ về ĐHĐN để xét, quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xét, quyết định khen thưởng.

d) Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Giáo dục": Trước ngày 30/4 hàng năm.

đ) Hồ sơ đề nghị khen thưởng nhân dịp kỷ niệm đơn vị (vào năm tròn): Gửi trước ngày thành lập đơn vị 03 tháng.

4. Quản lý, lưu trữ hồ sơ:

a) Các trường đại học thành viên, phân hiệu chịu trách nhiệm lập, lưu trữ đầy đủ hồ sơ, minh chứng về thành tích, sáng kiến của tập thể, cá nhân khen thưởng theo thẩm quyền.

b) ĐHĐN quản lý, lưu trữ đầy đủ hồ sơ thi đua, khen thưởng từ cấp ĐHĐN trở lên.

Điều 26. Nguồn kinh phí, sử dụng và quản lý quỹ khen thưởng

1. Nguồn và mức trích lập quỹ khen thưởng được thực hiện theo Điều 64 và Điều 65 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Mức trích lập quỹ không vượt quá 20% tổng quỹ tiền lương theo chức vụ, chức danh nghề nghiệp của số viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài cho mục đích thi đua, khen thưởng.

3. Sử dụng và quản lý quỹ khen thưởng được thực hiện theo Điều 66 và 67 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

a) Chi in Giấy chứng nhận, Giấy khen.

b) Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm cho các cá nhân và tập thể.

c) Chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua.

d) Chi công tác thẩm tra, thẩm định hồ sơ, minh chứng; chi tổ chức các cuộc họp của Hội đồng, Thường trực Hội đồng TĐ-KT.

đ) Chi xây dựng, tổ chức triển khai các phong trào thi đua; chi tập huấn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng; chi tổ chức hội nghị ký giao ước thi đua; hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến.

e) Chi phát động các phong trào thi đua, khen thưởng theo đợt, theo chuyên đề, thường xuyên, cao điểm; các hoạt động thi đua, khen thưởng cụm, khối; chi kiểm tra, giám sát, chỉ đạo việc thực hiện các phong trào thi đua, khen thưởng.

g) Một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua.

3. Nguyên tắc tính tiền thưởng: Thực hiện theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Mức thưởng cho một số danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được thực hiện theo quy định từ Điều 69 đến Điều 75 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 27. Trách nhiệm và nguyên tắc chi khen thưởng

1. Trách nhiệm chi khen thưởng:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm chi thưởng: Theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 21/2020/TT-BGDĐT ngày 31/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

b) ĐHĐN chịu trách nhiệm chi thưởng:

- Tập thể gồm các trường đại học thành viên; các đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN được khen thưởng cấp Bộ;

- Tập thể nhỏ, cá nhân hưởng lương từ quỹ lương tại Cơ quan ĐHĐN được Bộ trưởng khen thưởng và Giám đốc ĐHĐN công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng;

- Các trường hợp khác do Giám đốc ĐHĐN xem xét, quyết định.

c) Hiệu trưởng các trường đại học thành viên, Giám đốc Phân hiệu và Viện trưởng Viện VN-UK chịu trách nhiệm chi thưởng:

- Tập thể, cá nhân thuộc đơn vị được Bộ trưởng và Giám đốc ĐHĐN khen thưởng;

- Tập thể, cá nhân của đơn vị do đơn vị khen thưởng.

2. Nguyên tắc chi khen thưởng:

a) Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn thì mức tiền thưởng cao hơn.

b) Trong cùng một hình thức, cùng một mức khen, mức tiền thưởng đối với tập thể cao hơn mức tiền thưởng đối với cá nhân.

c) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua mà thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó là như nhau thì chỉ được nhận mức tiền thưởng cao nhất.

d) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua mà thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó là khác nhau, thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua đã đạt được.

đ) Trong cùng một thời điểm, đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua, vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của cả danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây của ĐHĐN về công tác thi đua, khen thưởng trái với quy định này đều bãi bỏ.

Điều 29. Tổ chức thực hiện

1. Hiệu trưởng các trường đại học thành viên, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN căn cứ vào Quy định này, cụ thể hóa các quy định phù hợp với tình hình thực tiễn của đơn vị.

2. Ban Tổ chức Cán bộ hướng dẫn, giám sát các đơn vị trong ĐHĐN thực hiện các quy định của pháp luật và quy định của ĐHĐN về công tác thi đua, khen thưởng.

3. Hội đồng thi đua, khen thưởng ĐHĐN định kỳ đánh giá việc chấp hành các quy định của Luật thi đua, khen thưởng và quy định về công tác thi đua, khen thưởng của ĐHĐN; đề xuất các giải pháp đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả phong trào thi đua trong toàn Đại học.

4. Các nội dung khác về công tác thi đua, khen thưởng không quy định trong văn bản này được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

5. Bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch phát triển ĐHĐN hàng năm, 5 năm và nhiệm vụ chính trị được giao để tham mưu, đề xuất với cấp ủy Đảng, thủ trưởng đơn vị về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua, đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động CBVC, người lao động, người học tích cực tham gia phong trào thi đua; chủ động phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong việc hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và các giải pháp đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

6. Bộ phận thông tin truyền thông có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của ĐHĐN về thi đua, khen thưởng; phản ánh đúng, kịp thời kết quả của phong trào thi đua và công tác khen thưởng; phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua, các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt để biểu dương, tôn vinh, nêu gương để nhân rộng; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

7. Tập thể, cá nhân được đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định về hồ sơ, thủ tục, thời hạn gửi hồ sơ đề nghị theo quy định và chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị lên cấp trên.

8. Tập thể, cá nhân kê khai thành tích, xác nhận không đúng sự thật hoặc làm giả hồ sơ, giấy tờ cho cá nhân, tập thể khác để đề nghị khen thưởng và người lợi dụng chức vụ, quyền hạn quyết định khen thưởng trái pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề chưa phù hợp thì các trường đại học thành viên, đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN phản ánh bằng văn bản về ĐHĐN qua Ban Tổ chức Cán bộ để tổng hợp trình Giám đốc ĐHĐN xem xét, bổ sung, sửa đổi theo quy định./.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Lê Thành Bắc